BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1190 /QĐ-ĐHYD

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận học viên vào học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 2021 – 2023

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 4452/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Xét kết quả đăng ký nhập học của học viên trình độ thạc sĩ khóa 2021 – 2023;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 601 (Sáu trăm linh một) học viên vào học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 2021 - 2023 tại Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh thuộc 23 (hai mươi ba) ngành (danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng các Phòng chức năng, Trưởng Khoa/Bộ môn liên quan và các học viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Vụ GDĐH – Bộ GDĐT để b/c;
- Lưu: VT, ĐTSĐH_NQK.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Bắc

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG NHẬN HỌC VIÊN VÀO HỌC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 2021 - 2023

(Kèm theo Quyết định số 410/QĐ-ĐYHD ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Đại hoc Y Dược Tp. Hồ Chí Minh về việc công nhận học viên vào học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 2019 - 2021)

1. Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Lao): 05 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
1	127211000	Nguyễn Bảo Linh	Nam	01/10/1996	Khánh Hòa	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
2	127211001	Trịnh Bá Hùng Mạnh	Nam	28/9/1990	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
3	127211002	Lâm Hồ Gia Phúc	Nam	29/8/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Hoa	Khá	Nghiên cứu	
4	127211003	Nguyễn Thanh Thùy	Nữ	21/01/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
5	127211004	Nguyễn Thành Trung	Nam	14/12/1989	Vĩnh Long	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

2. Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Truyền nhiễm): 07 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
6	127211005	Trần Song Ngọc Châu	Nữ	25/4/1994	Thừa Thiên Huế	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
7	127211006	Nguyễn Lĩnh Nhật Đăng	Nam	23/01/1994	Tiền Giang	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
8	127211007	Phạm Hoàng Khả Hân	Nữ	17/12/1996	Bến Tre	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
9	127211008	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	07/4/1996	Tiền Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
10	127211009	Võ Thị Hồng Nhi	Nữ	04/8/1996	Quảng Ngãi	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
11	127211010	Ngô Mỹ Nhung	Nữ	03/12/1995	Quảng Nam	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
12	127211011	Lê Thái Kim Thư	Nữ	19/6/1996	An Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú

3. Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh): 21 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
13	127211012	Lương Thanh Bình	Nam	08/10/1996	Gia Lai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
14	127211013	Lâm Thuỳ Đoan	Nữ	30/7/1996	Sóc Trăng	Hoa	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
15	127211014	Nguyễn Hồng Đức	Nam	29/11/1996	Thái Nguyên	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
16	127211015	Nguyễn Thị Thanh Dung	Nữ	17/02/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh	Khá	Ứng dụng	
17	127211016	Lại Diệp Thanh Hải	Nam	19/11/1996	Khánh Hòa	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
18	127211017	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	08/02/1996	Cần Thơ	Kinh	Khá	Ứng dụng	
19	127211019	Trần Thái Hoàng	Nam	26/11/1996	Khánh Hòa	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
20	127211020	Lê Nguyễn Gia Hy	Nam	12/8/1996	Quảng Ngãi	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú
21	127211021	Đinh Nhã Khoa	Nữ	03/8/1991	Tiền Giang	Kinh	Khá	Ứng dụng	
22	127211022	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	08/7/1994	Đồng Nai	Kinh	Khá	Ứng dụng	
23	127211023	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	30/3/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
24	127211024	Trương Thị Ngọc Nga	Nữ	18/7/1996	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Ứng dụng	
25	127211025	Trần Anh Ngọc	Nam	15/3/1996	Quảng Bình	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
26	127211026	Bùi Quang Phục	Nam	07/02/1992	Đắk Lắk	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
27	127211027	Lương Thị Mỹ Phụng	Nữ	20/10/1991	Đắk Nông	Kinh	Khá	Ứng dụng	
28	127211028	Lê Nguyễn Diễm Quỳnh	Nữ	18/10/1996	Thừa Thiên Huế	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
29	127211029	Lê Ngô Gia Thảo	Nữ	31/3/1993	Đồng Nai	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
30	127211030	Nguyễn Linh Thoại	Nam	24/6/1996	Tiền Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
31	127211031	Võ Ngọc Huy Thông	Nam	06/3/1996	Long An	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
32	127211032	Nguyễn Thị Thủy Trúc	Nữ	22/01/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú
33	127211033	Đặng Xuân Trường	Nam	20/7/1993	Thái Nguyên	Tày	Khá	Nghiên cứu	

4. Gây mê hồi sức: 15 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
34	127211034	Danh Bình An	Nam	09/02/1993	Kiên Giang	Khmer	Trung bình khá	Ứng dụng	
35	127211035	Nguyễn Thanh Hiếu	Nam	28/7/1992	Thừa Thiên Huế	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
36	127211036	Nguyễn Lê Huyên	Nam	23/4/1996	Ninh Thuận	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
37	127211037	Bùi Quốc Khánh	Nam	02/11/1992	Hải Phòng	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

38	127211038	Đỗ Thị Hạnh Nguyên	Nữ	22/4/1991	Lâm Đồng	Kinh	Khá	Ứng dụng	
39	127211039	Nguyễn Hằng Nguyệt	Nữ	16/5/1995	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
40	127211040	Nguyễn Minh Nhựt	Nam	09/10/1996	Đồng Nai	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú
41	127211041	Trần Thành Phát	Nam	15/02/1996	Long An	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
42	127211042	Lê Quang Phong	Nam	24/4/1996	Tây Ninh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
43	127211043	Nguyễn Thanh Tân	Nam	23/01/1996	Đắk Lắk	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú
44	127211044	Nguyễn Huyền Thoại	Nữ	27/9/1994	Trà Vinh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
45	127211045	Phan Quốc Thống	Nam	28/10/1996	Bình Định	Kinh	Khá	Ứng dụng	
46	127211046	Nguyễn Trần Quỳnh Thư	Nữ	16/8/1996	Quảng Ngãi	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
47	127211047	Nguyễn Quang Tuyến	Nam	15/02/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
48	127211048	Nguyễn Ngọc Tường Vi	Nữ	06/10/1995	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú

5. Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh): 12 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
49	127211049	Huỳnh Quang Đậm	Nam	19/3/1995	Hậu Giang	Kinh	Khá	Ứng dụng	
50	127211050	Vũ Lê Thành Đạt	Nam	14/7/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
51	127211051	Phạm Thị Như Diễm	Nữ	23/4/1996	Gia Lai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
52	127211052	Vũ Tuấn Dũng	Nam	22/9/1996	Khánh Hòa	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
53	127211053	Lê Trọng Hiếu	Nam	15/6/1996	Thừa Thiên Huế	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
54	127211054	Ngô Nhật Hoa	Nam	27/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
55	127211055	Nguyễn Khánh Hưng	Nam	13/6/1991	Bình Thuận	Kinh	Khá	Ứng dụng	
56	127211056	Võ Khắc Huy	Nam	19/3/1993	Tây Ninh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
57	127211057	Nguyễn Minh Nhật	Nam	26/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
58	127211058	Bùi Phương Quỳnh	Nữ	02/01/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
59	127211059	Lưu Đức Tùng	Nam	08/01/1996	Đắk Nông	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
60	127211060	Trương Hoàng Yến Vy	Nữ	27/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Ứng dụng	

6. Khoa học y sinh (Giải phẫu học): 01 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
61	127211061	Trần Hoàng Hiếu	Nam	03/02/1995	Trà Vinh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

7. Khoa học y sinh (Hóa sinh y học): 02 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
62	127211062	Lê Dương Hoàng Huy	Nam	31/5/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
63	127211063	Kha Đắc Lượng	Nam	03/10/1995	Trà Vinh	Hoa	Khá	Nghiên cứu	

8. Khoa học y sinh (Ký sinh trùng y học): 03 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
64	127211064	Nguyễn Đức Chính	Nam	18/11/1993	Bình Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
65	127211065	Phạm Thị Hồng	Nữ	23/9/1991	Nam Định	Kinh	Khá	Ứng dụng	
66	127211066	Lê Nguyễn Uyên Phương	Nữ	19/3/1996	Cần Thơ	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

9. Khoa học y sinh (Mô phôi): 01 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
67	127211067	Nguyễn Như Hiền	Nữ	16/01/1995	Trà Vinh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

10. Khoa học y sinh (Vi sinh y học): 05 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
68	127211068	Đặng Thu Hương	Nữ	25/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
69	127211069	Lê Nguyễn Quỳnh Hương	Nữ	28/12/1993	Đồng Nai	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
70	127211070	Lâm Kiến Thành	Nam	25/8/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
71	127211071	Nguyễn Thị Kiều Tiên	Nữ	03/10/1995	Trà Vinh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
72	127211072	Đặng Nguyễn Hương Trinh	Nữ	23/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

11. Ngoại khoa: 16 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
73	127211073	Phạm Long Bình	Nam	23/01/1996	Đồng Tháp	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú

74	127211074	Trần Nhật Hạ	Nam	17/5/1996	Khánh Hòa	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
75	127211075	Võ Phú Hậu	Nam	02/6/1996	Quảng Ngãi	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
76	127211076	Lê Huy Minh Hoàng	Nam	24/4/1994	Cần Thơ	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
77	127211077	Phan Minh Hoàng	Nam	15/12/1995	Đồng Nai	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
78	127211078	Bùi Thị Huyền	Nữ	06/7/1996	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
79	127211079	Huỳnh Thanh Huynh	Nam	12/7/1996	Đắk Lắk	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
80	127211080	Huỳnh Văn Linh	Nam	04/11/1994	Trà Vinh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
81	127211081	Hà Minh Lực	Nam	05/9/1996	Đồng Tháp	Kinh	Khá	Ứng dụng	
82	127211082	Phạm Quang Nhật	Nam	21/4/1994	Lâm Đồng	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
83	127211083	Dương Minh Nhựt	Nam	16/3/1995	Kiên Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
84	127211084	Nguyễn Hải Sơn	Nam	04/01/1995	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
85	127211085	Đinh Thuận Thiên	Nam	06/01/1995	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
86	127211086	Trần Đông Thức	Nam	14/01/1994	Bến Tre	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
87	127211087	Nguyễn Trần Tín	Nam	06/11/1993	Bình Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
88	127211088	Trần Văn Toản	Nam	20/11/1990	Quảng Nam	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

12. Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình): 21 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
89	127211089	Phan Tiến Bảo Anh	Nam	25/5/1996	Bình Thuận	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
90	127211090	Đinh Văn Thái Bảo	Nam	19/10/1996	Quảng Nam	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú
91	127211091	Mai Vũ Gia Bảo	Nam	16/7/1996	Bình Thuận	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
92	127211092	Phan Cảnh Đạt	Nam	10/01/1996	Bình Định	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
93	127211093	Nguyễn Sơn Hải	Nam	24/9/1995	Lâm Đồng	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
94	127211094	Lâm Kiếm Hồng	Nam	12/5/1996	Kiên Giang	Hoa	Khá	Nghiên cứu	
95	127211095	Trịnh Minh Hùng	Nam	28/7/1991	Hải Phòng	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
96	127211096	Nguyễn Văn Huỳnh	Nam	16/02/1996	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Ứng dụng	
97	127211097	Nguyễn Mạnh Kha	Nam	24/5/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
98	127211098	Lê Minh Khoa	Nam	15/01/1994	Đồng Tháp	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
99	127211100	Võ Văn Khoa	Nam	12/5/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
100	127211101	Phạm Thế Kiên	Nam	07/9/1996	Phú Yên	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
101	127211102	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	11/5/1993	Cần Thơ	Kinh	Khá	Ứng dụng	
102	127211103	Lê Hoàng Khôi Nguyên	Nam	07/5/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Ứng dụng	

103	127211104	Nguyễn Trần Hoàng Phú	Nam	26/6/1996	Khánh Hòa	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
104	127211105	Phạm Quốc Quan Sang	Nam	15/9/1996	Đồng Nai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
105	127211106	Lê Văn Thanh Sơn	Nam	17/9/1996	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
106	127211107	Lý Thiên Tài	Nam	14/7/1996	Đồng Nai	Hoa	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
107	127211108	Đoàn Minh Thái	Nam	18/01/1996	Tiền Giang	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
108	127211109	Lê Nhật Thành	Nam	14/02/1996	Kiên Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
109	127211110	Trần Đức Viễn	Nam	30/10/1995	Khánh Hòa	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	

13. Ngoại khoa (Ngoại - Lồng ngực): 07 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
110	127211111	Trương Đình Đức Anh	Nam	03/01/1996	Đồng Nai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
111	127211112	Phan Quốc Cường	Nam	05/01/1996	Bình Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
112	127211113	Nguyễn Duy	Nam	09/6/1992	Đắk Lắk	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
113	127211114	Đỗ Đăng Khoa	Nam	30/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
114	127211115	Phạm Văn Sỹ	Nam	01/01/1987	Đồng Tháp	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
115	127211116	Phạm Đoàn Ngọc Tuân	Nam	01/3/1996	Hậu Giang	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
116	127211117	Nguyễn Ngọc Tuấn	Nam	26/3/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Ứng dụng	

14. Ngoại khoa (Ngoại - Nhi): 06 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
117	127211118	Trần Huy Hoàng	Nam	19/02/1995	Nam Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
118	127211119	Trần Văn Hùng	Nam	19/7/1996	Đà Nẵng	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
119	127211120	Huỳnh Minh Mẫn	Nam	28/6/1996	Đồng Nai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
120	127211121	Trần Thị Phượng	Nữ	27/5/1996	Thừa Thiên Huế	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
121	127211122	Đinh Nguyễn Hoài Thanh	Nam	31/8/1996	Tây Ninh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
122	127211123	Lư Quí Trang	Nữ	14/01/1994	Kiên Giang	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	

15. Ngoại khoa (Ngoại thần kinh và sọ não): 12 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
123	127211124	Huỳnh Phú An	Nam	26/01/1996	Đồng Tháp	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
124	127211125	Lương Minh Cường	Nam	12/12/1995	Kon Tum	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
125	127211126	Đàng Quốc Duận	Nam	03/11/1992	Ninh Thuận	Chăm	Trung bình khá	Ứng dụng	
126	127211127	Bùi Hoàng Tuấn Dũng	Nam	24/12/1996	Gia Lai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
127	127211128	Nguyễn Doãn Hoàng Giang	Nam	01/01/1996	Lâm Đồng	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
128	127211129	Triệu Thị Thanh Hằng	Nữ	03/10/1994	Lâm Đồng	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
129	127211130	Trương Văn Quang Hiển	Nam	13/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
130	127211131	Nguyễn Quốc Hùng	Nam	31/12/1996	Thừa Thiên Huế	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú
131	127211132	Nguyễn Hoàng Huy	Nam	14/12/1992	Bến Tre	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
132	127211133	Lê Tường Kha	Nam	20/01/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
133	127211134	Hồ Minh Triết	Nam	29/5/1996	Bến Tre	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
134	127211135	Hồ Hoàng Vũ	Nam	01/6/1996	Hà Tĩnh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	

16. Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu): 09 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
135	127211136	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	18/5/1996	Quảng Nam	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
136	127211137	Trần Duy Đạt	Nam	06/8/1993	Thừa Thiên Huế	Kinh	Khá	Ứng dụng	
137	127211138	Nông Văn Huy	Nam	14/12/1990	Đắk Lắk	Tày	Trung bình khá	Ứng dụng	
138	127211139	Nguyễn Huỳnh Đăng Khoa	Nam	26/3/1996	Bến Tre	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
139	127211140	Hoàng Ngọc Long	Nam	12/5/1996	Lâm Đồng	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
140	127211141	Phạm Trường Minh	Nam	27/01/1995	Kiên Giang	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
141	127211142	Nguyễn Hoàng Nam Nhật	Nam	11/7/1995	Long An	Kinh	Khá	Ứng dụng	
142	127211143	Nguyễn Tú Tài	Nam	27/10/1996	Quảng Ngãi	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
143	127211145	Hạ Kỳ Văn	Nam	28/02/1995	Đắk Lắk	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	

17. Nhãn khoa: 10 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
144	127211146	Nguyễn Lê Thành Đạt	Nam	14/8/1996	Tiền Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
145	127211147	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	21/9/1996	Nam Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
146	127211148	Đào Thị Thu Hiền	Nữ	04/10/1996	Hải Phòng	Kinh	Giỏi	Ứng dụng	
147	127211149	Lê Thái Minh Hiếu	Nam	21/4/1996	Bình Định	Kinh	Khá	Ứng dụng	
148	127211150	Nguyễn Huỳnh Phúc	Nam	26/3/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
149	127211151	Ngô Mạc Như Quỳnh	Nữ	05/8/1996	Đắk Lắk	Nùng	Khá	Ứng dụng	
150	127211152	Hồ Công Thủy Thanh	Nữ	07/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
151	127211153	Nguyễn Văn Thành	Nam	07/7/1972	Bình Định	Kinh	Trung bình khá	Nghiên cứu	Có bài báo KH
152	127211154	Phan Nữ Hoài Thương	Nữ	26/4/1996	Gia Lai	Kinh	Khá	Ứng dụng	
153	127211155	Trần Thanh Tú	Nữ	21/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Ứng dụng	

18. Nhi khoa: 10 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
154	127211156	Phạm Quốc Cường	Nam	26/5/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
155	127211157	Trương Quang Huy	Nam	20/5/1996	Đồng Nai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
156	127211158	Trần Quốc Khánh	Nam	02/9/1996	Bình Dương	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú
157	127211159	Phạm Thái Hải Nhi	Nữ	03/9/1996	Lâm Đồng	Kinh	Khá	Ứng dụng	
158	127211160	Ngô Chí Quang	Nam	11/12/1995	Kiên Giang	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
159	127211161	Bùi Ngọc Minh Thanh	Nữ	01/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
160	127211162	Nguyễn Thị Mai Thảo	Nữ	12/8/1996	Bình Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
161	127211163	Hứa Nguyễn Anh Thư	Nữ	16/6/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
162	127211164	Huỳnh Nguyễn Anh Thư	Nữ	29/8/1996	Quảng Ngãi	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú
163	127211165	Nguyễn Ngọc Tín	Nam	15/11/1996	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú

19. Nội khoa: 31 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
164	127211166	Đỗ Hải An	Nữ	31/8/1995	An Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
165	127211167	Nguyễn Trần Vĩnh An	Nam	06/4/1996	Cà Mau	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
166	127211168	Trần Gia Bảo	Nam	15/10/1993	Bình Dương	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
167	127211169	Trần Vi Điển	Nam	21/6/1994	Quảng Ngãi	Kinh	Khá	Ứng dụng	
168	127211170	Trần Huỳnh Mỹ Duyên	Nữ	09/6/1995	Ninh Thuận	Kinh	Giỏi	Ứng dụng	
169	127211171	Lê Đình Triều Giang	Nữ	18/6/1994	Ninh Thuận	Kinh	Khá	Ứng dụng	
170	127211172	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	03/12/1996	Lâm Đồng	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
171	127211173	Lâm Tú Hương	Nữ	14/12/1996	Tiền Giang	Hoa	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
172	127211174	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	16/10/1996	Hà Nội	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
173	127211175	Trần Lê Quốc Khánh	Nam	25/8/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
174	127211176	Bùi Hữu Minh Khuê	Nữ	01/6/1996	Thừa Thiên Huế	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
175	127211177	Phạm Thị Diễm Kiều	Nữ	07/3/1991	Long An	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
176	127211178	Hà Văn Minh	Nam	25/7/1993	Thanh Hóa	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
177	127211179	Phạm Tố Như	Nữ	29/6/1996	Đồng Nai	Kinh	Khá	Ứng dụng	
178	127211180	Trần Âu Quế Nhung	Nữ	17/6/1990	Long An	Kinh	Khá	Ứng dụng	
179	127211181	Hà Thúc Nhượng	Nam	04/4/1983	Bình Định	Kinh	Xuất sắc	Nghiên cứu	
180	127211182	Nguyễn Hoàng Thiên Phát	Nam	05/11/1993	Tiền Giang	Kinh	Trung bình	Ứng dụng	
181	127211183	Trương Gia Phúc	Nam	23/5/1995	Phú Yên	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
182	127211184	Trần Quyên Phương	Nữ	30/7/1996	An Giang	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
183	127211185	Nguyễn Nhật Tài	Nam	15/9/1996	Đắk Lắk	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú
184	127211186	Nguyễn Thanh Tân	Nam	08/11/1996	Tiền Giang	Kinh	Khá	Ứng dụng	
185	127211187	Nguyễn Đình Thắng	Nam	23/10/1996	Gia Lai	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú
186	127211188	Phan Thị Thanh Thanh	Nữ	13/8/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
187	127211189	Nguyễn Trung Công Thành	Nam	15/6/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
188	127211190	Phạm Thị Minh Thuận	Nữ	13/11/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
189	127211191	Võ Đăng Toàn	Nam	12/01/1995	Bình Định	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
190	127211192	Phan Hữu Trí	Nam	31/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
191	127211193	Đoàn Quang Trường	Nam	26/3/1994	Thừa Thiên Huế	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
192	127211194	Phan Duy Tùng	Nam	23/3/1993	Đồng Nai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
193	127211195	Đặng Tường Vi	Nữ	27/02/1996	Bình Phước	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
194	127211196	Đào Thị Hoàng Yến	Nữ	06/10/1995	Lâm Đồng	Kinh	Khá	Ứng dụng	

20. Nội khoa (Da liễu): 20 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
195	127211197	Nguyễn Ngọc Hà	Nữ	07/9/1996	Phú Yên	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
196	127211198	Nguyễn Thị Khánh Hằng	Nữ	13/6/1996	Khánh Hòa	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
197	127211199	Lữ Thị Thanh Hiền	Nữ	10/02/1994	Gia Lai	Kinh	Khá	Ứng dụng	
198	127211200	Hoàng Trung Hiếu	Nam	26/3/1996	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
199	127211201	Phan Thị Lan Hương	Nữ	27/8/1993	Gia Lai	Kinh	Khá	Ứng dụng	
200	127211202	Huỳnh Như Huỳnh	Nữ	20/6/1994	Bến Tre	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
201	127211203	Danh Bảo Khánh	Nữ	20/10/1995	Sóc Trăng	Khmer	Khá	Ứng dụng	
202	127211204	Nguyễn Tấn Khoa	Nam	31/10/1996	Sóc Trăng	Kinh	Khá	Ứng dụng	
203	127211205	Lê Nguyệt Linh	Nữ	02/10/1996	Gia Lai	Kinh	Giỏi	Ứng dụng	
204	127211206	Trịnh Thị Tuyết Minh	Nữ	11/5/1994	Bến Tre	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
205	127211207	Huỳnh Thị Như Mỹ	Nữ	19/6/1994	Bình Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
206	127211208	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Nữ	15/4/1994	Khánh Hòa	Kinh	Khá	Ứng dụng	
207	127211209	Phan Thị Kim Ngọc	Nữ	01/9/1996	Bình Thuận	Kinh	Khá	Ứng dụng	
208	127211210	Nguyễn Duy Thanh	Nam	17/7/1996	Cà Mau	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
209	127211211	Nguyễn Trần Anh Thư	Nữ	25/01/1995	Quảng Nam	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
210	127211212	Chung Lê Đoan Trang	Nữ	15/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
211	127211213	Ngô Thị Phương Uyên	Nữ	14/7/1996	Quảng Bình	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
212	127211214	Lương Thế Vinh	Nam	06/7/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
213	127211215	Võ Tường Thảo Vy	Nữ	06/10/1994	Thừa Thiên Huế	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
214	127211216	Phùng Xuân Kim Yến	Nữ	01/02/1995	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

21. Nội khoa (Huyết học và truyền máu): 11 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
215	127211217	Châu Hồng Anh	Nữ	01/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
216	127211218	Phạm Đỗ Phương Anh	Nữ	25/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
217	127211219	Phan Văn Hiếu	Nam	06/10/1996	Bình Thuận	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
218	127211220	Lê Quang Hoàng	Nam	20/10/1996	Vĩnh Long	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
219	127211221	Phạm Nguyên Huân	Nam	12/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	

220	127211222	Hoàng Văn Hữu	Nam	18/6/1996	Quảng Trị	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
221	127211223	Nguyễn Văn Nhân	Nam	02/7/1994	Nam Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
222	127211224	Nguyễn Trần Quỳnh Như	Nữ	19/8/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Nghiên cứu	Có bài báo KH
223	127211225	Phan Ngô Quang Thạch	Nam	09/11/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
224	127211226	Trần Ngọc Xuân Thy	Nữ	14/02/1996	Đồng Nai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
225	127211227	Bùi Nguyễn Thùy Trang	Nữ	18/12/1996	Lâm Đồng	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú

22. Nội khoa (Lão khoa): 24 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
226	127211228	Nguyễn Thị Đào	Nữ	22/12/1995	Hà Tĩnh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
227	127211229	Trương Ngọc Dụng	Nữ	14/8/1995	An Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
228	127211230	Phạm Trường Giang	Nam	19/7/1991	Bến Tre	Kinh	Khá	Ứng dụng	
229	127211231	Phạm Hoàng Hải	Nam	27/01/1996	Kiên Giang	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú
230	127211232	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	18/5/1994	Long An	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
231	127211234	Lê Thị Hồng Hoa	Nữ	07/12/1995	Bình Dương	Kinh	Khá	Ứng dụng	
232	127211235	Lê Quốc Hưng	Nam	19/10/1991	Bình Thuận	Kinh	Trung bình khá	Nghiên cứu	Có bài báo KH
233	127211236	Nguyễn Quốc Huy	Nam	25/3/1996	Quảng Ngãi	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
234	127211237	Trần Minh Huy	Nam	04/5/1996	Bến Tre	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
235	127211238	Trương Trí Khoa	Nam	04/8/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Hoa	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú
236	127211239	Nguyễn Thị Liên	Nữ	12/12/1995	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Ứng dụng	
237	127211240	Huỳnh Thị Mỹ Linh	Nữ	26/12/1995	Gia Lai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
238	127211241	Đinh Thị Na	Nữ	02/6/1994	Quảng Trị	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
239	127211242	Phan Thanh Hải Nam	Nam	30/5/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
240	127211243	Trần Thị Mỹ Nhật	Nữ	23/8/1994	Tây Ninh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
241	127211244	Đặng Ngọc Sơn	Nam	05/6/1996	Đồng Nai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
242	127211245	Lê Trịnh Thủy Tiên	Nữ	25/8/1988	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
243	127211246	Nguyễn Huỳnh Quang Tín	Nam	16/3/1993	Long An	Kinh	Khá	Ứng dụng	
244	127211247	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	Nữ	30/7/1995	Đồng Tháp	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
245	127211248	Trương Thị Thu Trang	Nữ	07/9/1993	Hậu Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
246	127211249	Trịnh Thục Trinh	Nữ	25/6/1996	Ninh Thuận	Kinh	Khá	Ứng dụng	
247	127211250	Trần Tiến Trung	Nam	18/10/1996	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
248	127211252	Đỗ Nguyễn Thảo Uyên	Nữ	26/6/1996	Đồng Nai	Kinh	Khá	Ứng dụng	
249	127211253	Nguyễn Hữu Vinh	Nam	15/10/1993	Tiền Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

23. Nội khoa (Nội tiết): 06 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
250	127211254	Lương Khôi Nguyên	Nam	12/5/1996	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
251	127211255	Nguyễn Mạnh Nguyên	Nam	08/02/1990	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
252	127211256	Phạm Yến Nhi	Nữ	04/9/1996	Long An	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú
253	127211257	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	04/02/1996	Bình Phước	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
254	127211258	Lâm Quốc Thiên	Nam	11/9/1996	Trà Vinh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
255	127211259	Nguyễn Thị Huệ Thiên	Nữ	14/01/1995	Bình Thuận	Kinh	Giỏi	Ứng dụng	

24. Nội khoa (Phục hồi chức năng): 09 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
256	127211261	Tô Trường Duy	Nam	10/12/1994	Kiên Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
257	127211262	Võ Trần Huy	Nam	20/8/1996	Quảng Ngãi	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
258	127211263	Dương Thị Quế Lan	Nữ	18/01/1996	Khánh Hòa	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
259	127211264	Hoàng Thị Diệu Nguyên	Nữ	10/5/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
260	127211265	Hoàng Trí Phương	Nam	22/4/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
261	127211266	Lê Thị Nhật Phượng	Nữ	13/4/1996	Quảng Nam	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
262	127211267	Đặng Thị Hiền Thảo	Nữ	25/6/1996	Gia Lai	Kinh	Khá	Ứng dụng	
263	127211268	Đoàn Thị Thùy Trang	Nữ	25/4/1994	Lâm Đồng	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
264	127211269	Phan Minh Tuấn	Nam	24/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Ứng dụng	

25. Nội khoa (Tâm thần): 03 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
265	127211270	Phạm Ánh Minh	Nữ	11/7/1995	Tiền Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
266	127211271	Vũ Đức Nguyên	Nam	07/7/1996	Đồng Nai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
267	127211272	Nguyễn Thị Thu Sương	Nữ	14/4/1996	Đắk Lắk	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú

26. Nội khoa (Thần kinh): 12 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
268	127211273	Nguyễn Thành An	Nam	29/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
269	127211274	Lương Phan Bảo Duy	Nam	08/02/1993	Vĩnh Long	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
270	127211275	Nguyễn Thị Thúy Duy	Nữ	02/9/1993	Trà Vinh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
271	127211276	Dương Thị Lên	Nữ	02/01/1996	Quảng Nam	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú
272	127211277	Huỳnh Đăng Lộc	Nam	05/02/1992	Quảng Nam	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
273	127211278	Nguyễn Đình Nguyên	Nam	20/5/1994	Đà Nẵng	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
274	127211279	Võ Phương Quỳnh	Nữ	31/7/1996	Đồng Nai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
275	127211280	Nguyễn Văn Đặng Sơn	Nam	01/8/1992	Quảng Nam	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
276	127211281	Lê Nhựt Tân	Nam	13/7/1996	Cần Thơ	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
277	127211282	Châu Văn Thoại	Nam	01/9/1996	Bình Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
278	127211283	Phan Quân Thụy	Nam	21/6/1996	Đồng Tháp	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
279	127211284	Phạm Phước Tuấn	Nam	19/10/1995	Đà Nẵng	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

27. Sản phụ khoa: 30 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
280	127211285	Trần Thị Ngọc Anh	Nữ	29/7/1995	Hải Phòng	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
281	127211286	Nguyễn Phạm Ngọc Châu	Nữ	14/02/1996	Thừa Thiên Huế	Kinh	Khá	Ứng dụng	
282	127211287	Võ Trân Châu	Nữ	15/9/1996	Tiền Giang	Kinh	Khá	Ứng dụng	
283	127211288	Qua Qua Nhị Chí Chinh	Nam	02/5/1992	Bình Thuận	Chăm	Trung bình khá	Ứng dụng	
284	127211289	Hà Quang Điền	Nam	02/11/1991	Trà Vinh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
285	127211290	Đào Tuấn Dũng	Nam	11/4/1995	Sông Bé	Kinh	Khá	Ứng dụng	
286	127211291	Nguyễn Khánh Duy	Nam	18/5/1995	Tiền Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
287	127211292	Trần Thị Tuyết Hạnh	Nữ	10/3/1996	Bình Thuận	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
288	127211293	Lê Thị Minh Hiền	Nữ	20/12/1990	Đắk Lắk	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
289	127211294	Nguyễn Thị Kim Hiền	Nữ	26/01/1995	Kiên Giang	Kinh	Giỏi	Ứng dụng	
290	127211295	Lê Thị Hòa	Nữ	07/4/1995	Quảng Ngãi	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
291	127211296	Huỳnh Kha	Nữ	05/10/1995	Bạc Liêu	Kinh	Khá	Ứng dụng	
292	127211297	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	23/10/1996	Phú Yên	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú

293	127211298	Nguyễn Tuấn Lộc	Nam	24/9/1996	Gia Lai	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
294	127211299	Huỳnh Phúc Khánh Minh	Nam	15/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú
295	127211300	Nguyễn Thái Bình Minh	Nữ	09/01/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
296	127211301	Trần Văn Nam	Nam	17/6/1995	An Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
297	127211302	Nguyễn Xuân Nghĩa	Nam	17/3/1995	Thanh Hóa	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
298	127211303	Huỳnh Thị Thanh Nguyệt	Nữ	17/01/1996	Ninh Thuận	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
299	127211304	Trần Huỳnh Trung Như	Nam	25/5/1996	Phú Yên	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
300	127211305	Lê Chí Thanh	Nam	27/3/1996	Tây Ninh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
301	127211306	Châu Thị Xuân Thảo	Nữ	19/5/1995	Long An	Kinh	Khá	Ứng dụng	
302	127211307	Trần Hoàng Thống	Nam	07/3/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
303	127211308	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	06/4/1996	Nghệ An	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
304	127211309	Dương Thùy Trang	Nữ	07/11/1996	Gia Lai	Kinh	Khá	Ứng dụng	
305	127211310	Nguyễn Thị Kim Tuyến	Nữ	04/10/1993	Tiền Giang	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
306	127211311	Dương Kim Thiện Uyên	Nữ	07/7/1995	Sóc Trăng	Hoa	Khá	Nghiên cứu	
307	127211312	Nguyễn Cao Vân	Nữ	12/8/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
308	127211313	Trương Thanh Vị	Nữ	09/01/1994	Kiên Giang	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
309	127211314	Nguyễn Hoàng Vũ	Nam	26/02/1995	Đà Nẵng	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	

28. Tai - Mũi - Họng: 28 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
310	127211315	Mai Thị Trâm Anh	Nữ	14/02/1996	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
311	127211316	Đặng Quốc Bảo	Nam	26/01/1994	Lâm Đồng	Kinh	Khá	Ứng dụng	
312	127211317	Nguyễn Thị Thiện Bình	Nữ	07/12/1995	Khánh Hòa	Kinh	Giỏi	Ứng dụng	
313	127211318	Lý Văn Cum	Nam	17/8/1994	Kiên Giang	Hoa	Khá	Ứng dụng	
314	127211319	Nguyễn Văn Đang	Nam	04/01/1984	Đồng Tháp	Kinh	Khá	Ứng dụng	
315	127211320	Ngô Thành Đạt	Nam	30/3/1996	Quảng Ngãi	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
316	127211321	Lê Quang Đức	Nam	26/8/1996	Sông Bé	Kinh	Khá	Ứng dụng	
317	127211322	Lê Văn Hải	Nam	12/12/1995	Hải Dương	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
318	127211323	Châu Ngọc Hân	Nữ	05/11/1996	Tiền Giang	Kinh	Khá	Ứng dụng	
319	127211324	Lê Huy Hoàng	Nam	20/11/1996	Kiên Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
320	127211325	Lê Minh Hùng	Nam	09/8/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
321	127211326	Phan Đức Huy	Nam	28/02/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú

322	127211327	Lưu Nguyễn An Khương	Nam	14/10/1996	Vĩnh Long	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
323	127211328	Nguyễn Trần Bảo Nghi	Nữ	27/4/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
324	127211329	Nguyễn Đỗ An Nhiên	Nữ	14/6/1994	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Ứng dụng	
325	127211330	Trần Trọng Phát	Nam	21/8/1996	Quảng Ngãi	Kinh	Khá	Ứng dụng	
326	127211331	Đặng Duy Phong	Nam	17/6/1996	Bình Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
327	127211332	Đỗ Hoàng Phong	Nam	27/4/1994	Đồng Tháp	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
328	127211333	Nguyễn Minh Phước	Nam	26/9/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
329	127211334	Nguyễn Đăng Quang	Nam	15/02/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
330	127211335	Huỳnh Chí Thành	Nam	26/3/1996	Bạc Liêu	Kinh	Khá	Ứng dụng	
331	127211336	Trần Huỳnh Thu Thảo	Nữ	02/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
332	127211337	Nguyễn Lê Vĩnh Thuận	Nam	15/7/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
333	127211338	Lê Mỹ Thương	Nữ	16/5/1995	Bến Tre	Kinh	Khá	Ứng dụng	
334	127211339	Lê Nguyễn Trọng Tín	Nam	16/7/1996	Đồng Tháp	Kinh	Khá	Ứng dụng	
335	127211340	Trần Dương Phương Trinh	Nữ	01/7/1996	Sóc Trăng	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
336	127211341	Nguyễn Huyền Vi	Nữ	01/5/1990	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Ứng dụng	
337	127211342	Nguyễn Đức Vượng	Nam	21/7/1996	Nam Định	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú

29. Ung thư: 11 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
338	127211344	Nguyễn Hoàng Gia An	Nam	07/02/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
339	127211345	Hoàng Đức	Nam	11/12/1991	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
340	127211346	Lâm Vĩnh Hảo	Nam	16/11/1994	Sóc Trăng	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
341	127211347	Trần Trương Kim Hoàn	Nữ	11/3/1993	Trà Vinh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
342	127211348	Phạm Viết Hoạt	Nam	10/5/1994	Thái Bình	Kinh	Khá	Ứng dụng	
343	127211349	Đặng Minh Khoa	Nam	05/11/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
344	127211350	Trần Nhân	Nam	09/9/1991	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
345	127211351	Nguyễn Văn Thành	Nam	23/7/1993	Ninh Bình	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
346	127211352	Đặng Thị Huyền Trang	Nữ	25/12/1996	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
347	127211353	Lê Xuân Triệu	Nam	01/5/1994	Hậu Giang	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
348	127211354	Đặng Thị Liễu Trinh	Nữ	05/9/1995	Bình Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú

30. Răng - Hàm - Mặt: 22 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
349	227213400	Bùi Minh Anh	Nam	27/10/1995	Kiên Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
350	227213401	Lê Hùng Cường	Nam	03/4/1996	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
351	227213402	Võ Trọng Diêm	Nam	07/02/1996	Bình Thuận	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
352	227213403	Nguyễn Thị Dung	Nữ	20/3/1995	Lâm Đồng	Kinh	Giỏi	Ứng dụng	
353	227213404	Hoàng Anh Dũng	Nam	21/7/1996	Nghệ An	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
354	227213405	Mai Tiến Dũng	Nam	06/9/1996	Đồng Nai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
355	227213406	Đoàn Cao Quốc Duy	Nam	11/6/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
356	227213407	Nguyễn Thị Tâm Duyên	Nữ	16/8/1996	Vĩnh Long	Kinh	Giỏi	Ứng dụng	
357	227213408	Nguyễn Việt Hà	Nữ	22/10/1996	Bình Thuận	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú
358	227213409	Võ Mạnh Hùng	Nam	19/11/1989	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
359	227213410	Dương Văn Hưng	Nam	17/12/1995	Quảng Ngãi	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
360	227213411	Phan Minh Khôi	Nam	03/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
361	227213412	Lê Đỗ Tuấn Kiệt	Nam	17/7/1995	Ninh Thuận	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
362	227213413	Nguyễn Hoàng Lộc	Nam	30/5/1994	Quảng Nam	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
363	227213414	Lê Nguyễn Minh Phúc	Nam	24/9/1995	An Giang	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
364	227213415	Lê Thiện Quang	Nam	19/12/1996	Thanh Hóa	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
365	227213416	Phạm Ngọc Thanh Thảo	Nữ	16/11/1996	Phú Yên	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
366	227213417	Huỳnh Kim Thy	Nữ	17/12/1996	Tây Ninh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
367	227213418	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	20/11/1989	Lâm Đồng	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
368	227213419	Huỳnh Phạm Anh Trúc	Nam	10/4/1994	Long An	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
369	227213420	Trần Thiện Trường	Nam	12/01/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú
370	227213421	Nguyễn Trần Yến Xuân	Nữ	16/8/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

31. Y học cổ truyền: 24 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
371	327214600	Cao Lê Bình An	Nữ	08/11/1996	Bình Thuận	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
372	327214601	Hoàng Trí Đạo	Nam	06/3/1991	Đồng Nai	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
373	327214602	Dương Phan Nguyên Đức	Nam	01/9/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

374	327214603	Nguyễn Văn Duy	Nam	26/9/1996	Quảng Nam	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
375	327214604	Bùi Khánh Hà	Nữ	06/4/1992	Thái Bình	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
376	327214605	Trương Thanh Hoàng	Nam	05/01/1996	An Giang	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
377	327214606	Hồ Thị Xuân Hồng	Nữ	19/6/1991	Bình Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
378	327214607	Nguyễn Minh Huệ	Nữ	16/8/1996	Lâm Đồng	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
379	327214608	Huỳnh Ánh Kim	Nữ	16/8/1991	Tiền Giang	Hoa	Khá	Ứng dụng	
380	327214609	Trần Công Đại Lộc	Nam	17/4/1995	Tây Ninh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
381	327214610	Ngô Thái Diệu Lương	Nữ	10/7/1996	Phú Yên	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
382	327214611	Phạm Thị Thuý Nga	Nữ	15/6/1973	Quảng Ngãi	Kinh	Trung bình	Ứng dụng	
383	327214612	Nguyễn Công Nguyên	Nam	22/01/1996	Bình Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
384	327214613	Phạm Ngọc Xuân Nhi	Nữ	22/02/1996	Long An	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
385	327214614	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	08/12/1995	Đắk Lắk	Nùng	Trung bình khá	Ứng dụng	
386	327214615	Lê Ngọc Phương Quỳnh	Nữ	05/10/1996	Đồng Nai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
387	327214616	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	19/5/1996	Bình Định	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú
388	327214617	Võ Thị Ánh Sáng	Nữ	06/11/1995	Sóc Trăng	Kinh	Giỏi	Ứng dụng	
389	327214618	Nguyễn Thị Thu Sông	Nữ	11/11/1996	Lâm Đồng	Kinh	Khá	Nghiên cứu	Nội trú
390	327214619	Huỳnh Minh Thái	Nam	02/01/1988	Đồng Tháp	Kinh	Trung bình	Ứng dụng	
391	327214620	Võ Chí Thiện	Nam	04/11/1996	Đồng Tháp	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	Nội trú
392	327214621	Phan Mỹ Trang	Nữ	22/02/1996	Bình Định	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
393	327214622	Ngô Thị Tường Vi	Nữ	28/10/1995	Long An	Kinh	Khá	Ứng dụng	
394	327214623	Vòng Thị Thanh Xuân	Nữ	21/8/1993	Lâm Đồng	Hoa	Khá	Ứng dụng	

32. Y học dự phòng: 04 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
395	427215500	Đặng Thái Bình	Nam	01/8/1990	Bình Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
396	427215501	Võ Hiếu Nghĩa	Nam	22/11/1992	Đồng Tháp	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
397	427215502	Trương Thị Kim Nguyên	Nữ	28/5/1991	Bình Định	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
398	427215503	Võ Hoàng Phương	Nữ	31/8/1989	Bình Định	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	

33. Y tế công cộng: 16 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
399	427215505	Lê Duy Trầm Chi	Nữ	05/5/1991	Bình Phước	Kinh	Trung bình khá	Nghiên cứu	Có bài báo KH
400	427215506	Trần Thị Chiến	Nữ	07/11/1988	Vĩnh Phúc	Kinh	Trung bình khá	Nghiên cứu	Có bài báo KH
401	427215507	Bùi Hùng Mạnh	Nam	20/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
402	427215508	Châu Thị Mỷ Nhiên	Nữ	15/01/1996	Sóc Trăng	Khmer	Trung bình khá	Ứng dụng	
403	427215509	Lê Thị Thảo Nhu	Nữ	13/7/1994	Tiền Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
404	427215510	Lê Huỳnh Như	Nữ	12/9/1995	Phú Yên	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
405	427215511	Bùi Duy Phương	Nam	24/01/1995	An Giang	Kinh	Khá	Ứng dụng	
406	427215512	Lê Thị Hồng Thắm	Nữ	29/4/1986	Tây Ninh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
407	427215513	Mai Phước Thảo	Nữ	04/11/1995	An Giang	Kinh	Trung bình	Ứng dụng	
408	427215514	Phạm Anh Thư	Nữ	29/11/1994	Tây Ninh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
409	427215515	Trần Thị Anh Thư	Nữ	10/9/1991	Đồng Nai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
410	427215516	Lê Thị Thu Thúy	Nữ	14/6/1993	Bình Thuận	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
411	427215517	Phan Thị Trúc Thủy	Nữ	05/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
412	427215518	Hoàng Thị Thùy Trang	Nữ	20/11/1990	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh	Trung bình khá	Nghiên cứu	Có bài báo KH
413	427215519	Phùng Thị Trinh	Nữ	04/6/1986	Trà Vinh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
414	427215520	Trần Thị Diệu Trinh	Nữ	20/01/1995	Thừa Thiên Huế	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

34. Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc: 20 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
415	527217000	Đinh Thị Phương Anh	Nữ	26/10/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
416	527217001	Đàng Ngọc Lam Bình	Nữ	02/3/1997	Bình Thuận	Chăm	Khá	Nghiên cứu	
417	527217002	Lê Thanh Bình	Nam	11/9/1995	Thừa Thiên Huế	Kinh	Trung bình	Ứng dụng	
418	527217003	Đào Thị Hồng Loan	Nữ	17/9/1987	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
419	527217004	Nguyễn Hoàng Nam	Nam	05/10/1997	Bình Dương	Kinh	Giỏi	Ứng dụng	
420	527217005	Hồ Thị Yến Nhi	Nữ	20/3/1992	Đồng Nai	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
421	527217006	Đỗ Thị Quỳnh Như	Nữ	26/7/1996	Đồng Nai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
422	527217007	Nguyễn Đức Xuân Thuỵ Sĩ	Nam	26/11/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
423	527217008	Đinh Trường Sơn	Nam	22/01/1996	Đồng Nai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

424	527217009	Nguyễn Lê Hoàng Sơn	Nam	09/6/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
425	527217011	Bùi Tá Tịnh	Nam	12/11/1997	Quảng Ngãi	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
426	527217012	Nguyễn Hương Trầm	Nữ	04/12/1995	Tiền Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
427	527217013	Đặng Nguyễn Huỳnh Trang	Nữ	26/5/1994	Đà Nẵng	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
428	527217014	Nguyễn Thanh Trang	Nữ	15/12/1997	Đà Nẵng	Kinh	Xuất sắc	Nghiên cứu	
429	527217015	Trần Ngọc Trinh	Nữ	11/4/1994	Vĩnh Long	Kinh	Khá	Ứng dụng	
430	527217016	Phan Anh Tú	Nam	20/4/1996	Quảng Nam	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
431	527217018	Trần Lê Nhật Vi	Nữ	01/3/1997	Bình Định	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
432	527217019	Nguyễn Hoàng Vinh	Nam	02/01/1996	Hậu Giang	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
433	527217020	Huỳnh Tường Vy	Nữ	26/8/1994	Vĩnh Long	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
434	527217021	Phan Nguyễn Như Ý	Nữ	06/4/1997	Đà Nẵng	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	

35. Dược liệu - Dược học cổ truyền: 06 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
435	527217022	Ngô Thị Mỹ Duyên	Nữ	29/3/1997	Đồng Nai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
436	527217023	Nguyễn Xuân Lan	Nữ	29/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
437	527217024	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	06/12/1996	Gia Lai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
438	527217025	Lê Thị Thương Thương	Nữ	04/6/1995	Tây Ninh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
439	527217026	Lê Minh Trực	Nam	11/9/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
440	527217027	Phạm Phương Cẩm Tú	Nữ	12/11/1987	Long An	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

36. Dược lý và dược lâm sàng: 50 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
441	527217028	Nguyễn Hữu An	Nam	02/8/1988	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Nghiên cứu	Có bài báo KH
442	527217029	Nguyễn Thị Trường An	Nữ	02/12/1995	An Giang	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
443	527217030	Trần Hữu Hoàng Chương	Nam	28/8/1994	Thừa Thiên Huế	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
444	527217031	Võ Thị Hải Đường	Nữ	11/4/1996	Long An	Kinh	Khá	Ứng dụng	
445	527217032	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Nữ	04/10/1994	Phú Yên	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
446	527217033	Nguyễn Hoàng Hải	Nam	05/3/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
447	527217034	Trần Thị Kiều Hân	Nữ	06/9/1991	Bạc Liêu	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
448	527217035	Trần Lệ Hằng	Nữ	22/10/1992	Bến Tre	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
449	527217036	Đỗ Thu Hiền	Nữ	27/9/1993	Sông Bé	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
450	527217037	Phan Tấn Hiếu Hiền	Nam	20/12/1993	Đắk Lắk	Kinh	Giỏi	Ứng dụng	
451	527217038	Đinh Tấn Hưng	Nam	22/9/1991	Khánh Hòa	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
452	527217039	Nguyễn Ngọc Hưng	Nữ	02/11/1996	Khánh Hòa	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
453	527217040	Nguyễn Hoàng Quỳnh Hương	Nữ	07/8/1981	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
454	527217041	Trịnh Thị Thanh Hương	Nữ	10/10/1996	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
455	527217042	Nguyễn Diễm Kiều	Nữ	02/12/1994	Tây Ninh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
456	527217043	Nguyễn Bảo Kim	Nam	20/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
457	527217044	Hồ Thị Mỹ Linh	Nữ	29/9/1996	Đắk Lắk	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
458	527217045	Nguyễn Ngọc Nhật Minh	Nam	06/6/1995	Vĩnh Long	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
459	527217046	Trần Tuyết Ngọc	Nữ	20/4/1997	Vĩnh Long	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
460	527217047	Trương Thảo Nguyên	Nữ	13/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
461	527217048	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Nữ	26/11/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh	Khá	Ứng dụng	
462	527217049	Nguyễn Trúc Ý Nhi	Nữ	17/5/1996	Bình Thuận	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
463	527217050	Trần Quỳnh Như	Nữ	19/11/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
464	527217051	Phạm Thị Ngọc Nhung	Nữ	22/5/1994	Đồng Nai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
465	527217052	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	19/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
466	527217053	Đặng Hiền Phương	Nữ	17/01/1983	Hà Tây	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
467	527217054	Mai Trần Khánh Quân	Nữ	09/12/1996	Đà Nẵng	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
468	527217055	Phan Lê Như Quỳnh	Nữ	19/8/1990	Phú Yên	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
469	527217056	Dương Ngô Hoàng Thảo	Nữ	07/8/1993	Cần Thơ	Kinh	Khá	Ứng dụng	
470	527217057	Nguyễn Hiếu Thảo	Nữ	12/12/1994	Tây Ninh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
471	527217058	Nguyễn Huỳnh Phương Thảo	Nữ	06/02/1995	Đà Nẵng	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
472	527217059	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	Nữ	29/9/1997	Bạc Liêu	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
473	527217060	Phan Vũ Quỳnh Thi	Nữ	25/8/1990	Lâm Đồng	Kinh	Trung bình	Ứng dụng	
474	527217061	Trần Thị Ngọc Thoa	Nữ	18/3/1993	Bình Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
475	527217062	Trần Viễn Thông	Nam	11/4/1996	Tây Ninh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
476	527217063	Đỗ Anh Thư	Nữ	16/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
477	527217064	Huỳnh Thị Nhi Thư	Nữ	05/5/1996	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Ứng dụng	
478	527217065	Đặng Thị Thùy	Nữ	10/10/1993	Bình Dương	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

479	527217066	Mai Thị Thu Thủy	Nu	22/3/1994	Đắk Lắk	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
480	527217067	Tạ Kim Tiền	Nữ	25/12/1996	Tiền Giang	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
481	527217068	Phan Hữu Tín	Nam	24/10/1992	Đồng Tháp	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
482	527217069	Nguyễn Minh Trí	Nam	10/01/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình	Ứng dụng	
483	527217070	Bùi Thảo Trinh	Nữ	16/12/1995	Kiên Giang	Kinh	Khá	Ứng dụng	
484	527217071	Đồng Ngọc Thiên Trúc	Nữ	09/10/1995	Lâm Đồng	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
485	527217072	Nguyễn Thanh Tú	Nam	20/8/1991	Đồng Tháp	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
486	527217073	Trần Anh Tú	Nữ	20/02/1994	Bình Phước	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
487	527217074	Lê Thị Mỹ Vân	Nữ	04/7/1988	Quảng Ngãi	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
488	527217075	Đào Hoàng Việt	Nam	05/01/1996	Đồng Nai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
489	527217076	Bùi Hồ Hải Yến	Nữ	30/01/1995	Đồng Tháp	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
490	527217077	Nguyễn Thị Yến	Nữ	02/9/1993	Bình Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

37. Kiểm nghiệm thuốc và độc chất: 11 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
491	527217078	Lê Ngọc Bảo Châu	Nữ	08/8/1997	Khánh Hòa	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
492	527217079	Nguyễn Hoàng Chung	Nam	02/11/1993	Bình Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
493	527217080	Trần Phan Thúy Huỳnh	Nữ	23/7/1991	Đồng Tháp	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
494	527217081	Trần Mộng Kha	Nữ	08/6/1997	Bạc Liêu	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
495	527217082	Trần Tuấn Kha	Nam	19/3/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình	Ứng dụng	
496	527217083	Nguyễn Minh Luân	Nam	14/10/1992	Bình Dương	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
497	527217084	Nguyễn Xuân Ni	Nữ	06/12/1997	Bến Tre	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
498	527217085	Bùi Thị Hồng Phương	Nữ	11/8/1997	Gia Lai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
499	527217086	Lê Thị Thủy Tiên	Nữ	07/5/1993	Tây Ninh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
500	527217087	Lê Văn Hoài Trân	Nam	22/11/1994	Quảng Nam	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
501	527217088	Nguyễn Thị Thanh Vân	Nữ	12/4/1993	Bình Dương	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

38. Tổ chức quản lý dược: 23 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
502	527217089	Nguyễn Trần Khương Bắc	Nam	19/3/1997	Bình Thuận	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	

503	527217090	Lã Thanh Duy	Nam	02/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
504	527217091	Nguyễn Tiểu Duy	Nam	01/01/1997	Đồng Tháp	Kinh	Khá	Ứng dụng	
505	527217092	Phan Nguyễn Phương Duyên	Nữ	01/02/1996	An Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
506	527217093	Rmah H'robeka	Nữ	18/6/1990	Gia Lai	Gia Rai	Trung bình	Ứng dụng	
507	527217094	Huỳnh Đức Hạnh	Nữ	23/7/1993	Quảng Nam	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
508	527217095	Nguyễn Thanh Huy	Nam	15/5/1991	Hậu Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
509	527217096	Nguyễn Hoàng Vân Nga	Nữ	24/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
510	527217097	Hà Kiến Nghiệp	Nam	19/7/1994	Trà Vinh	Hoa	Khá	Ứng dụng	
511	527217098	Lê Châu Ngọc	Nữ	14/10/1997	Cà Mau	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
512	527217099	Trần Thị Cao Nguyên	Nữ	01/01/1984	Đắk Lắk	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
513	527217100	Trần Thị Hồng Nguyên	Nữ	09/11/1997	Gia Lai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
514	527217101	Quang Ánh Nguyệt	Nữ	01/6/1987	An Giang	Kinh	Khá	Ứng dụng	
515	527217102	Nguyễn Trọng Nhân	Nam	04/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
516	527217103	Nguyễn Bạch Phương Nhi	Nữ	22/9/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
517	527217104	Đoàn Minh Phú	Nam	16/4/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
518	527217105	Trịnh Ngọc Thiên Thanh	Nữ	28/12/1993	An Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
519	527217106	Hoàng Ngọc Trâm	Nữ	16/11/1997	Đồng Nai	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
520	527217107	Bùi Ngọc Bảo Trân	Nữ	25/01/1995	Trà Vinh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
521	527217108	Nguyễn Kim Triết	Nam	12/5/1987	Quảng Ngãi	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
522	527217109	Ngô Quang Vũ	Nam	01/5/1993	Bình Thuận	Kinh	Khá	Ứng dụng	
523	527217110	Đào Thanh Xuyên	Nam	14/9/1996	Đồng Tháp	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
524	527217111	Nguyễn Trần Như Ý	Nữ	18/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	

39. Điều dưỡng: 31 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
525	627219000	Đặng Thế Bảo	Nam	30/10/1993	Bến Tre	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
526	627219001	Nguyễn Thị Hải Bình	Nữ	10/7/1982	Hà Tây	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
527	627219002	Hứa Thị Kim Chi	Nữ	06/5/1990	Tiền Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
528	627219003	Võ Thị Kim Chi	Nữ	12/9/1984	Bến Tre	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
529	627219004	Lê Văn Lượm Em	Nam	15/9/1985	Bến Tre	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
530	627219005	Nguyễn Kim Hải	Nữ	09/7/1982	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
531	627219006	Mai Thị Hay	Nữ	06/7/1989	Nam Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

532	627219007	Nguyễn Thị Thuý Hoàng	Nu	26/5/1997	Long An	Kinh	Giỏi	Ứng dụng	
533	627219008	Trần Thị Huyền	Nữ	09/7/1987	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
534	627219009	Mai Thị Ngọc Kiều	Nữ	15/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
535	627219010	Cấn Thị Liên	Nữ	07/12/1990	Hà Nội	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
536	627219011	Trần Thị Kim Linh	Nữ	30/8/1996	Bình Thuận	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
537	627219012	Võ Thị Cẩm Loan	Nữ	10/01/1988	Bến Tre	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
538	627219013	Lê Thị Mân	Nữ	11/5/1995	Thừa Thiên Huế	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
539	627219014	Trần Thị Hoàng Minh	Nữ	01/8/1984	Trà Vinh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
540	627219015	Nguyễn Thanh Ngọc	Nữ	26/7/1989	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
541	627219016	Huỳnh Thanh Phú	Nam	23/11/1988	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
542	627219018	Nguyễn Thị Lan Phương	Nữ	07/11/1983	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
543	627219019	Nguyễn Quân	Nam	08/02/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
544	627219020	Phạm Văn Quân	Nam	12/11/1989	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
545	627219021	Võ Nguyễn Minh Quân	Nam	13/5/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
546	627219022	Huỳnh Ngọc Phương Quế	Nữ	17/9/1988	Tiền Giang	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
547	627219023	Lê Thị Thắm	Nữ	28/7/1996	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
548	627219024	Nguyễn Phan Ngọc Thanh	Nữ	13/8/1996	Bình Thuận	Kinh	Khá	Ứng dụng	
549	627219025	Trần Văn Thuận	Nam	04/6/1979	Bến Tre	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
550	627219026	Phạm Thị Thu Thương	Nữ	28/11/1992	Quảng Nam	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
551	627219027	Hoàng Thị Lệ Thủy	Nữ	09/10/1994	Lâm Đồng	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
552	627219028	Hồ Ngọc Trâm	Nữ	16/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
553	627219029	Lê Thanh Trúc	Nữ	15/11/1988	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
554	627219030	Tạ Thị Hồng Vân	Nữ	21/02/1989	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
555	627219031	Sầm Hà Như Vũ	Nữ	28/9/1983	Lâm Đồng	Nùng	Trung bình khá	Ứng dụng	

40. Kỹ thuật phục hồi chức năng: 12 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
556	627219032	Nguyễn Thị Minh Châu	Nữ	04/5/1995	Bình Thuận	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
557	627219033	Nguyễn Thị Hiên	Nữ	11/4/1987	Hà Nội	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
558	627219034	Phan Thị Vân Huyền	Nữ	29/9/1993	Hải Dương	Kinh	Khá	Ứng dụng	
559	627219035	Nguyễn Thị Ngọc Lam	Nữ	17/02/1994	Ninh Thuận	Kinh	Khá	Ứng dụng	
560	627219036	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	06/10/1982	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

561	627219037	Nguyễn Dương Quỳnh Như	Nữ	08/3/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Giỏi	Ứng dụng	
562	627219038	Nguyễn Châu Tuyết Như	Nữ	07/8/1988	Khánh Hòa	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
563	627219039	Lê Ngọc Phượng	Nữ	01/01/1987	Lào Cai	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
564	627219040	Trà Thanh Tâm	Nữ	04/6/1982	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
565	627219041	Trần Thị Anh Thư	Nữ	31/8/1986	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
566	627219042	Đỗ Thị Bích Thuận	Nữ	25/4/1975	Long An	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
567	627219043	Lê Thị Thanh Xuân	Nữ	15/11/1972	Quảng Trị	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

41. Kỹ thuật xét nghiệm y học: 34 học viên

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
568	627219044	Nguyễn Thị Tú Anh	Nữ	29/10/1997	Lâm Đồng	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
569	627219046	Nguyễn Ngọc Châu	Nữ	03/8/1983	Long An	Kinh	Khá	Ứng dụng	
570	627219047	Nguyễn Việt Băng Châu	Nữ	25/10/1996	Vĩnh Long	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
571	627219048	Nguyễn Chiêu Thục Đoan	Nữ	25/9/1996	Tây Ninh	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
572	627219049	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	21/7/1994	Tây Ninh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
573	627219050	Lê Thị Thu Hà	Nữ	02/8/1994	Bình Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
574	627219051	Trần Thị Ngọc Hà	Nữ	22/7/1982	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
575	627219052	Nguyễn Minh Hải	Nam	08/01/1984	Phú Yên	Kinh	Khá	Ứng dụng	
576	627219053	Nguyễn Thanh Hiền	Nam	27/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
577	627219054	Lăng Hoài Hiếu	Nữ	18/5/1986	Bạc Liêu	Kinh	Khá	Ứng dụng	
578	627219055	Nguyễn Văn Hưng	Nam	30/7/1996	Bình Thuận	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
579	627219056	Phạm Phú Song Huy	Nam	18/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Khá	Ứng dụng	
580	627219057	Mã Thị Hoàng Kim	Nữ	03/02/1995	Bạc Liêu	Kinh	Giỏi	Ứng dụng	
581	627219058	Đỗ Thị Thùy Linh	Nữ	15/10/1995	Bình Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
582	627219059	Lý Khánh Linh	Nữ	22/6/1994	Yên Bái	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
583	627219060	Phạm Thị Luyền	Nữ	15/3/1994	Hải Dương	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
584	627219061	Lê Thị Tuyết Nga	Nữ	05/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	
585	627219062	Nguyễn Ước Nguyện	Nam	31/8/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
586	627219063	Châu Thái Phê	Nam	12/12/1971	Bình Định	Kinh	Giỏi	Ứng dụng	
587	627219064	Võ Thị Kiều Phương	Nữ	22/8/1984	Đắk Lắk	Kinh	Khá	Ứng dụng	
588	627219065	Nguyễn Minh Sơn	Nam	03/10/1993	Bình Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	

STT	Mã học viên	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Xếp loại tốt nghiệp ĐH	Chương trình ĐT theo định hướng	Ghi chú
589	627219066	Lê Thanh Sung	Nam	16/01/1985	Bạc Liêu	Kinh	Giỏi	Ứng dụng	
590	627219067	Nguyễn Thị Suyên	Nữ	16/8/1994	Bình Định	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
591	627219068	Huỳnh Ngọc Tân	Nam	15/02/1992	Đồng Nai	Nùng	Khá	Nghiên cứu	
592	627219069	Nguyễn Văn Ngọc Tân	Nam	01/02/1991	Long An	Kinh	Khá	Ứng dụng	
593	627219070	Phạm Anh Thắng	Nam	04/01/1989	Bình Thuận	Kinh	Khá	Ứng dụng	
594	627219071	Lê Thị Thôi	Nữ	18/6/1991	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
595	627219072	Nguyễn Văn Thống	Nam	12/12/1989	Cà Mau	Kinh	Khá	Ứng dụng	
596	627219073	Nguyễn Văn Thống	Nam	21/12/1996	Trà Vinh	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
597	627219074	Trần Thị Anh Thư	Nữ	30/12/1995	Bến Tre	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
598	627219075	Huỳnh Nhật Toàn	Nam	07/11/1995	Bình Thuận	Kinh	Giỏi	Nghiên cứu	
599	627219076	Nguyễn Văn Toàn	Nam	17/12/1992	Bến Tre	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
600	627219077	Nguyễn Bảo Trân	Nữ	12/10/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh	Khá	Nghiên cứu	
601	627219078	Vũ Đình Tuấn	Nam	01/10/1992	Phú Thọ	Kinh	Trung bình khá	Ứng dụng	

Ấn định danh sách công nhận học viên vào học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 2021-2023 của Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh là 601 (Sáu trăm linh một) học viên.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ Y TẾ ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Bắc